

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 19/2025/DS-ST

Ngày: 11/3/2025.

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hoàng Khởi

Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Quách Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2024/TLST-DS, ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng C.

Trụ sở: Số A phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ T1 – Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C. (có mặt)

2/ ***Bị đơn:*** Ông Trần Quốc T2, sinh năm 1969 và bà Trần Thị E, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang. (ông T2 và bà E – vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2024 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Nguyên đơn Ngân hàng C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), bà Nguyễn Thị Mỹ T1 trình bày:

Ông Trần Quốc T2 và bà Trần Thị E có vay vốn của Ngân hàng C, ký hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng C với tổng số tiền 54.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Vào ngày 10/3/2017 ông T2 và bà E ký kết hợp đồng tín dụng số 6600000709634012 để vay vốn chương trình hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, thời hạn vay đến ngày 07/3/2022, lãi suất: 9%/năm, với số tiền vay là 30.000.000 đồng. Hiện hợp đồng tín dụng đã quá hạn vào ngày 18/3/2024, lãi còn nợ đến ngày 11/3/2025 là 16.521.000 đồng.

- Vào ngày 09/6/2016 ông T2 và Em ký kết hợp đồng tín dụng số 6600000707645038 để vay vốn chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, thời hạn vay đến ngày 07/6/2021, lãi suất: 9%/năm, với số tiền vay là 12.000.000 đồng. Hiện hợp đồng tín dụng đã quá hạn vào ngày 18/6/2022, lãi còn nợ đến ngày 11/3/2025 là 5.275.000 đồng.

- Vào ngày 07/10/2017 ông T2 và Em ký kết hợp đồng tín dụng số 6600000711260566 để vay vốn chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, thời hạn vay đến ngày 07/10/2022, lãi suất: 9%/năm, với số tiền vay là 12.000.000 đồng. Hiện hợp đồng tín dụng đã quá hạn vào ngày 08/10/2022, lãi còn nợ đến ngày 11/3/2025 là 8.210.000 đồng.

Ngân hàng C yêu cầu buộc ông Trần Quốc T2 và bà Trần Thị E liên đới trả cho Ngân hàng C xã hội tổng số tiền gốc lãi là 84.006.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 54.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 11/3/2025 là 30.006.000 đồng) và toàn bộ lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T2 và bà E thanh toán hết toàn bộ các khoản nợ.

2. Bị đơn ông Trần Quốc T2 và bà Trần Thị E đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

3. Tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được bao gồm:

Sổ vay vốn (bản sao); Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay, biên bản làm việc; Bảng tính lãi.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C yêu cầu ông T2 và bà E liên đới trả cho Ngân hàng C xã hội tổng số tiền gốc lãi là 84.006.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 54.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 11/3/2025 là 30.006.000 đồng) và

toàn bộ lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T2 và bà E thanh toán hết toàn bộ các khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Quốc T2 và bà Trần Thị E đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Trần Quốc T2 và bà Trần Thị E vẫn vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trần Quốc T2 và bà Trần Thị E.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông Trần Quốc T2 và bà Trần Thị E có vay vốn của Ngân hàng C, ký hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng C với tổng số tiền 54.000.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 10/3/2017 ông T2 và bà E ký kết hợp đồng tín dụng số 6600000709634012 để vay vốn chương trình hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, thời hạn vay đến ngày 07/3/2022, lãi suất: 9%/năm, với số tiền vay là 30.000.000 đồng. Hiện hợp đồng tín dụng đã quá hạn vào ngày 18/3/2024, lãi còn nợ đến ngày 11/3/2025 là 16.521.000 đồng; Ngày 09/6/2016 ông T2 và Em ký kết hợp đồng tín dụng số 6600000707645038 để vay vốn chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, thời hạn vay đến ngày 07/6/2021, lãi suất: 9%/năm, với số tiền vay là 12.000.000 đồng. Hiện hợp đồng tín dụng đã quá hạn vào ngày 18/6/2022, lãi còn nợ đến ngày 11/3/2025 là 5.275.000 đồng; Ngày 07/10/2017 ông T2 và Em ký kết hợp đồng tín dụng số 6600000711260566 để vay vốn chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, thời hạn vay đến ngày 07/10/2022, lãi suất: 9%/năm, với số tiền vay là 12.000.000 đồng. Hiện hợp đồng tín dụng đã quá hạn vào ngày 08/10/2022, lãi còn nợ đến ngày 11/3/2025 là 8.210.000 đồng.

Trong quá trình vay ông T2 và bà E đã trả được 11.013.516 đồng tiền lãi. Các Hợp đồng tín dụng đã quá hạn, tại biên bản làm việc ngày 09/3/2023 ông T2 và Bà E cam kết trả nợ cho Ngân hàng nhưng phía ông T2 và bà E không thực hiện là vi phạm theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Trần Quốc T2 và bà Trần Thị E liên đới trả cho Ngân hàng C hội tổng số tiền gốc lãi là 84.006.000 đồng (trong đó, tiền gốc là 54.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 11/3/2025 là 30.006.000 đồng) và toàn bộ lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T2 và bà E thanh toán hết toàn bộ các khoản nợ là có cơ sở.

[3] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Trần Quốc T2, bà Trần Thị E phải liên đới chịu án phí là 84.006.000 đồng x 5% = 4.200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 144, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng C về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Trần Quốc T2 và bà Trần Thị E.

Buộc ông Trần Quốc T2 và bà Trần Thị E liên đới trả cho Ngân hàng C hội tổng số tiền gốc lãi là 84.006.000 đồng (tám mươi bốn triệu không trăm lẻ sáu nghìn đồng) (trong đó, tiền gốc là 54.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 11/3/2025 là 30.006.000 đồng) và toàn bộ lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T2 và bà E thanh toán hết toàn bộ các khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Quốc T2 và bà Trần Thị E phải liên đới chịu án phí là 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

3. Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA Dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

